|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tên ca sử dụng: | ID: | | Mức quan trọng: |
| Tác nhân chính: | | Kiểu ca sử dụng: | |
| Các nhân tố và mối quan tâm: | | | |
| Mô tả ngắn gọn: | | | |
| Kích hoạt: | | | |
| Kiểu: | | | |
| Các mối quan hệ:    * Liên quan: * Bao gồm: * Mở rộng: * Khái quát hóa: | | | |
| Luồng sự kiện chính: | | | |
| Luồng sự kiện con: | | | |
| Luồng sự kiện tương đương/ngoại lệ: | | | |

Ca sử dụng

Thẻ CRC

Mặt trước

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tên lớp: | ID: | | Loại: |
| Mô tả: | | Ca sử dụng liên quan: | |
| Trách nhiệm: | | Đối tác: | |

Mặt sau

|  |
| --- |
| Các thuộc tính: |
| Mối quan hệ:   * Khái quát hóa: * Tổ hợp: * Các mối quan hệ khác: |

Hợp đồng

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tên phương thức: | Tên lớp: | ID: |
| Bên gửi: | | |
| Ca sử dụng liên quan: | | |
| Mô tả trách nhiệm: | | |
| Tham số nhận: | | |
| Kiểu dữ liệu trả về: | | |
| Tiền điều kiện: | | |
| Hậu điều kiện: | | |

Phương thức

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên phương thức: | Tên lớp: | | ID: | |
| ID Hợp đồng: | Lập trình viên: | | Hạn: | |
| Ngôn ngữ lập trình: | | | | |
| Kích hoạt/Sự kiện: | | | | |
| Tham số nhận:  Kiểu dữ liệu: | | Ghi chú: | | |
|  | |  | | |
| Thông điệp gửi & Tham số truyền:  TênLớp.TênPhươngThức: | | Kiểu dữ liệu: | | Ghi chú: |
|  | |  | |  |
| Tham số trả về:  Kiểu dữ liệu: | | Ghi chú: | | |
|  | |  | | |
| Mô tả thuật toán: | | | | |
| Ghi chú khác: | | | | |